TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN,** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2025/ HNGĐ -ST

Ngày: 21 – 3 – 2025

"V/v ly hôn giữa
chị K và anh M"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Anh Đoan

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Thái Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang *tham gia phiên tòa:*ông Lê Thanh Phong– Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 702/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Trương Thị Thúy K, sinh năm 1992, *(có đơn xin vắng mặt).*

Nơi thường trú: tổ A, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: anh Trần Nhựt M (tên thường gọi là T), sinh năm 1986, *(có mặt).*

Nơi thường trú: tổ A, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 12 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Thúy K trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: sau thời gian tìm hiểu về tình cảm, năm 2012 chị và anh Trần Nhựt M đồng ý kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 79/2012, Quyển số 01/2012 ngày 18/4/2012. Vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2021 phát sinh mâu

thuẫn do không phù hợp về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, anh M hay đánh đập chị, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, từ tháng 3/2021 đến nay vợ chồng ly thân. Thời gian ly thân chị có về thăm con, tết Nguyên đán năm 2025 anh M kêu chị lấy đồ đạc của chị đi, chị về lấy quần áo thì anh M đổ xăng vào người chị và bật lửa đe dọa đốt, chị chạy báo Công an xã làm việc anh M. Nay, chị không còn tình cảm và yêu cầu ly hôn anh M.

+ Nuôi con chung: có 02 người con chung tên Trần Phước L, sinh ngày 09/10/2013; Trần Trương Ngọc T1, sinh ngày 15/10/2020, hiện tại cả 02 con do anh M nuôi dưỡng. Chị giao 02 con chung cho anh M tiếp tục nuôi, anh M không yêu cầu cấp dưỡng nên chị không cấp dưỡng nuôi con, nhưng chị vẫn lo cho con.

+ Chia tài sản: vợ chồng có tài sản chung nhưng chị không yêu cầu chia.

Nợ chung: không có.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024 chị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Tại Bản tự khai ngày 27/02/2025 và tại phiên tòa anh Trần Nhựt M (là bị đơn) trình bày:

Anh và chị K quen biết và đồng ý kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn do mẹ vợ bệnh nên chị K về nhà mẹ chăm sóc, anh đến thăm con mới sinh vài tháng, nựng nụi con, mẹ vợ sợ con bị đau, la rầy anh, anh có lời qua qua tiếng lại với mẹ vợ, tối đó K và mẹ vợ đi S, từ đó đến nay một tháng chị K mới về thăm gia đình một lần,vợ chồng sống bình thường. Đến tết nguyên đán năm 2025 chị K về nhưng không ở nhà mà đi chơi, anh nói nếu không chịu ở nữa thì lấy đồ đi, chị K nói không cần lấy về cũng đốt, anh nói anh đốt giùm và anh lấy nước pha sơn tưới lên đồ chỉ đe dọa mà không đốt, chị K báo Công an mời anh làm việc. Sau đó, ngày 15/01/2025 âm lịch K về nhà mẹ đẻ, từ đó đến nay vợ chồng ly thân. Nay, chị K yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Nuôi con chung: có 02 người con chung tên Trần Phước L, sinh ngày 09/10/2013; Trần Trương Ngọc T1, sinh ngày 15/10/2020, anh đang nuôi dưỡng 02 con, anh yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu chị K cấp dưỡng. Cháu L trên 07 tuổi có nguyện vọng sống với cha.

Chia tài sản: anh và chị K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị Thúy K đối với anh Trần Nhựt M theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; về nuôi con chung, giao 02 con chung tên Trần Phước L, sinh ngày 09/10/2013; Trần Trương Ngọc T1, sinh ngày 15/10/2020 cho anh M tiếp tục nuôi, chị K không phải cấp dưỡng nuôi con; chia tài sản và nợ chung không có, nên không đề cập; về án phí, chị K phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Trương Thị Thúy K khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Trần Minh N, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị K.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Hôn nhân của chị K và anh M là hợp pháp, vì có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng, hai bên có mâu thuẫn và có thời gian ly thân, không hàn gắn, chị K yêu cầu ly hôn, anh M đồng ý ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị K và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa chị K và anh M.

[2.2] Nuôi con chung: chị K và anh M cùng ý kiến giao 02 người con tên Trần Phước L, Trần Trương Ngọc T1 cho anh M nuôi, cháu L trên 07 tuổi cũng có nguyện vọng sống với cha. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu Trần Phước L, Trần Trương Ngọc T1 cho anh M nuôi dưỡng. Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*", nhưng anh M không yêu cầu chị K cấp dưỡng cho con là sự tự nguyện của anh, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chị K không trực tiếp nuôi con, chị có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Chia tài sản: hai bên tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết, Tòa án không đề cập.

Nợ chung: không có.

[3] Án phí hôn nhân sơ thẩm, chị K phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hộivề mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Trương Thị Thúy K và anh Trần Nhựt M.

2. Nuôi con chung: giao 02 người con chung tên Trần Phước L, sinh ngày 09/10/2013; Trần Trương Ngọc T1, sinh ngày 15/10/2020 cho anh Trần Nhựt M tiếp tục nuôi, hiện tại anh M đang nuôi dưỡng cháu L và cháu T1. Chị Trương Thị Thúy K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trương Thị Thúy K không trực tiếp nuôi con, chị có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng cho con.

3. Chia tài sản: đương sự tự thỏa thuận.

Nợ chung: không có.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Trương Thị Thúy K phải chịu 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0011716 ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

5. Anh Trần Nhựt M có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Trương Thị Thúy K vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS H. Phú Tân;
- UBND xã Phú Hưng, H.Phú Tân, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Kim Phương